TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2021
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hiếu Nhường.

Bà Nguyễn Thu Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Quốc B, sinh năm 1986 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị Ánh T, sinh năm 1986 (xin vắng mặt);

Quốc tịch: Việt Nam;

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn – ông Huỳnh Quốc B trình bày:*

Ông và bà Trương Thị Ánh T sống chung như vợ chồng và đăng ký kết hôn ngày 17/3/2016 tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ông bà sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ, không hòa hợp về nhiều mặt, đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế ông và bà

T cũng đã ly thân, mạnh ai nấy sống từ năm 2018 đến nay nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Trương Thị Ánh T;

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Trương Thị Ánh T vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến như sau:*

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông B về thời gian kết hôn, quá trình hôn nhân và mâu thuẫn trong cuộc sống. Nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài nên bà đề nghị Tòa án công nhận cho bà và ông B thuận tình ly hôn;

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Trương Thị Ánh T và ông Huỳnh Quốc B đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Quốc B; về con chung, tài sản chung, nợ chung: các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; ông B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Ông Huỳnh Quốc B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Trương Thị Ánh T nên quan hệ pháp luật là tranh chấp "Xin ly hôn" theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Huỳnh Quốc B có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với bà Trương Thị Ánh T. Bà Trương Thị Ánh T có quốc tịch Việt Nam nhưng hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ nên cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở Hoa Kỳ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Quốc B và bà Trương Thị Ánh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông B và bà T.

[4]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Quốc B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Huỳnh Quốc B và bà Trương Thị Ánh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 17/3/2016 tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang nên quan hệ hôn nhân của ông B, bà T là hợp pháp. Sau khi cưới, ông bà sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ, không hòa hợp về nhiều mặt, mặc dù đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay, do khoảng cách địa lý, ông bà không sống chung với nhau khiến tình cảm vợ chồng không còn, nên ông B khởi kiện xin ly hôn với bà T. Bà T cũng thừa nhận lời trình bày của ông B là đúng sự thật và đồng ý ly hôn với ông B.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông B và bà T là có thật, tình cảm vợ chồng giữa ông B và bà T không còn khả năng hàn gắn, hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ông B và bà T xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông B và bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6].Về án phí: Ông B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7]. Về chi phí tố tụng: Ông B phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng được khấu trừ vào các khoản tạm ứng mà ông đã nộp nên xem như ông đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 228, khoản 1 và 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Quốc B.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Quốc B được ly hôn với bà Trương Thị Ánh T.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Quốc B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông B đã nộp, theo biên lai số 0001608 ngày 06/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Quốc B phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng được khấu trừ vào các khoản tạm ứng mà ông đã nộp nên xem như ông đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Huỳnh Quốc B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Bà Trương Thị Ánh T cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy